

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 408/2019/DS-PT
Ngày: 07/11/2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và bồi tH thiệt hại về T sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Ông Trần Phước Hội;

- Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

- Thư K1 phiên tòa: Ông Ngô H3 Thanh - Thư K1 Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 10 và các ngày 01, 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công Ki vụ án thụ lý số 395/2019/TLPT-DS, ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi tH thiệt hại về T sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2019/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện LV bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 402/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Văn Chánh T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 756A, ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Văn K, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp An Phong, xã Định An, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 26/7/2018).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1969;

Địa chỉ: số 49, ấp An Lợi B, xã Định Yên, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984; địa chỉ: số 187, khóm B, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/10/2019).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. 1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số 49, ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: số 720, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

3. 2. Ủy ban nhân dân huyện LVo;

Địa chỉ: khóm Bình TH1 1, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3. 3. Chị Cao Thị Tuyết H, sinh năm 1981;

Địa chỉ: số 756A, ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của chị H: Ông Cao Văn K, sinh năm 1956; địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/5/2019).

3. 4. Chị Phan Thị Ngọc H1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: số 49, ấp An Lợi B, xã Định Yên, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện hợp pháp của chị H1: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984; địa chỉ: số 187, khóm Bình TH1 2, thị trấn Lấp Vò, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/10/2019).

4. Người kháng cáo ông Nguyễn Văn K1 là bị đơn trong vụ án.

(Ông K, anh T1, bà C có mặt tại phiên tòa, UBND huyện LV có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Mai Văn Chánh T do ông Cao Văn K đại diện trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của anh Mai Văn Chánh T nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị C vào ngày 19 tháng 01 năm 2018, thuộc thửa đất số 03 và thửa đất số 04, cùng tờ bản đồ 24, đất tọa lạc xã Định Yên, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Khi bà C chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T thì trên đất có khu mộ, bà C đã thỏa thuận chuyển nhượng luôn cây trồng, vật kiến trúc trên đất cho anh T. Đến ngày 08 tháng 02 năm 2018, anh T được Ủy ban nhân dân huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 03 và thửa đất số 04, cùng tờ bản đồ 24, đất tọa lạc xã Định Yên, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 23 tháng 6 năm 2018, ông Nguyễn Văn K1 đã tự ý rào lưới B40, trồng trụ đá, di dời hai ngôi mộ (cụ Phan Văn H2, cụ Phạm Thị M nằm trong trong số 07 ngôi mộ) ở thửa đất số 04, di dời sang thửa số 03, tờ bản đồ số 24. Sau khi bao chiếm anh T đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã Định Yên để giải quyết nhưng không thành.

Nay anh T, chị H yêu C ông Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 phải tháo dỡ hàng rào lưới B40, di dời hai ngôi mộ (mộ của cụ Hòa, cụ Mười), di dời cây trồng trong khu mộ, yêu C di dời khu mộ chưa chôn diện tích là $6.8m^2$ và trả lại phần đất diện tích $75,8m^2$, thuộc một phần thửa số 03 và diện tích $78,7m^2$, thuộc một phần thửa đất số 04, cùng tờ bản đồ số 24, do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã Định Yên, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K1 do anh Nguyễn Văn T1 đại diện trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp có nhà mồ là của cha ông Nguyễn Văn K1 để lại cho ông K1 sử dụng. Sau đó, bà Nguyễn Thị C đã chuyển nhượng lại cho anh T nhưng ông K1 không biết. Trên phần đất mà bà C đã chuyển nhượng cho anh T thì có mồ mả của ông, bà và anh của ông K1. Khi còn sống cụ Nguyễn Văn H3 có để lại di nguyện là để lại phần đất nhà mồ chiều ngang 12,5m, chiều dài 20m và lối đi từ nhà mồ ra lộ chiều ngang 02m, chiều dài khoảng 20m (tính tới lộ), cụ H3 dặn lại ai là người sử dụng nhà mồ thì được quyền sử dụng đất, không được sang bán phần đất nhà mồ, lối đi. Khi bà C chuyển nhượng cho anh T thì ông K1 không biết, không có K1 tứ cận giáp ranh. Trên phần đất bà C chuyển nhượng cho anh T thì ông K1 có trồng 64 cây xoài (Có 55 cây lớn trồng được 09 năm và 09 cây mới trồng).

Nay ông K1 yêu C hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 75,8m², thuộc một phần thửa đất số 03 và diện tích 78,7m², thuộc một phần thửa đất số 04, cùng tờ bản đồ 24, do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã Định Yên, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, yêu C anh T, chị H trả lại phần đất nhà mồ diện tích 75,8m², thuộc một phần thửa số 03 và diện tích 78,7m², thuộc một phần thửa đất số 04, cùng tờ bản đồ số 24 và yêu C trả lại lối đi từ nhà mồ ra lộ chiều ngang 02m (giáp khu mộ), chiều ngang 1,69m (giáp Quốc lộ 54), chiều dài một cạnh (giáp thửa đất số 03) là 35,44m, chiều dài một cạnh (giáp đất ông K1) là 34,42m, diện tích là 57,1m², thuộc một phần thửa đất số 04, tờ bản đồ 24, do anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc xã Định Yên, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu bồi thường cây trồng ngoài khu mộ thuộc một phần thửa số 03 và thửa số 04, cùng tờ bản đồ số 24, gồm 64 cây xoài trên đất (55 cây xoài trồng 07 năm, có 09 cây xoài mới trồng) giá trị là 56.950.000 đồng, không yêu cầu bồi thường cây trồng trong khu mộ nếu Tòa án giao đất cho anh T, chị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 03, diện tích 387,9m², tờ bản đồ số 24 là bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn B; còn thửa đất số 04, diện tích 328,7m², tờ bản đồ số 24, là của cha ruột cụ Nguyễn Văn H3, cho khoảng năm 2006 – 2007. Đến năm 2018, bà C chuyển nhượng lại đất và cây trồng trên đất cho anh Mai Văn Chánh T, khi chuyển nhượng có khu mộ (có 7 cái mộ). Anh T và bà C thỏa thuận khu mộ khoảng 4 – 5 năm sau sẽ di dời mộ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Ngọc H1 trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông K1, không bổ sung thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị Tuyết H trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của anh T, không bổ sung thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện LV đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H yêu cầu anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1, chị Nguyễn Thị C di dời hai ngôi mộ hốt cốt của ông Phan Văn H2, bà Phạm Thị M.

Chấp nhận yêu cầu của anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H yêu cầu anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 di dời toàn bộ T sản, cây trồng trong khu mộ ra khỏi thửa đất số 03 và thửa số 04, do anh Mai Văn Chánh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 75.8m², thuộc một phần thửa đất số 03 và diện tích 78.7m², thuộc một phần thửa số 04, cùng tờ bản đồ số 24, do anh Mai Văn Chánh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 yêu cầu anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H trả lại phần đất nhà mồ diện tích 75.8m², thuộc một phần thửa số 03 và diện tích 78.7m², thuộc một phần thửa đất số 04 và yêu cầu trả lại lối đi từ nhà mồ ra Quốc lộ 54, diện tích là 57.1m², thuộc một phần thửa đất số 04, cùng tờ bản đồ 24, do anh Mai Văn Chánh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đình chỉ yêu cầu của anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 yêu cầu anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H trả lại diện tích 98.4m² đất, thuộc một phần thửa đất số 03 và một phần thửa số 04, cùng tờ bản đồ số 24, do anh Mai Văn Chánh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1, chị Nguyễn Thị C di dời hai ngôi mộ hốt cốt của ông Phan Văn H2, bà Phạm Thị M ra khỏi thửa đất số 03, tờ bản đồ số 24, do anh Mai Văn Chánh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 phải giao cho anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H diện tích đất 75.8m², trong phạm vi các mốc: M1, M2, M10, M11 trở về mốc M1, tại thửa số 03 và diện tích đất 78.7m², trong phạm vi các mốc M2, M3, M4, M13, M12, M5, M6, M9, M10 trở về mốc M2, tại thửa số 04, cùng tờ bản đồ số 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Mai Văn Chánh T đứng tên vào ngày 08 tháng 02 năm 2018.

Buộc anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 di dời toàn bộ tài sản, cây trồng ra khỏi diện tích đất nói trên để giao đất cho anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2018 và ngày 18/01/2019; sơ đồ đo đạc ngày 26/4/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV).

Buộc anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H trả giá trị 64 cây xoài (Có 55 cây xoài lớn trồng được 09 năm và 09 cây xoài mới trồng) cho anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 số tiền 56.950.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, chín trăm năm chục nghìn đồng). Anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H được sử dụng 64 cây xoài.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1, chị Nguyễn Thị C nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 nộp 1.658.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.675.000 đồng theo lai thu số 0003163 ngày 15/10/2018, anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 được nhận lại 1.017.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

- Anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H nộp 2.847.500 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 390.000 đồng (Do ông Cao Văn K nộp thay) theo lai thu số 0001780 ngày 9/8/2018, anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H phải nộp tiếp số tiền 2.457.500 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 trả lại cho anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H số tiền 4.193.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 8 năm 2019 ông Nguyễn Văn K1 là bị đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số 56/2019/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện LV, không thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa án sơ thẩm, buộc anh T, chị H trả lại diện tích 75,8m², thuộc một phần thửa đất số 03 và diện tích 78,7m², thuộc một phần thửa số 04, cùng tờ bản đồ số 24, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh T, trả lại lối đi từ nhà mồ ra Quốc lộ 54 diện tích là 57,1m², thuộc một phần thửa đất số 04 tờ bản đồ số 24.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không tự thỏa thuận được với bị đơn về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn K1 đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Anh Mai Văn Chánh T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn K1 di dời toàn bộ T sản, cây trồng trong khu mộ ra khỏi thửa đất số 03 và thửa số 04, do anh Mai Văn Chánh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu ông K1, bà C di dời hai ngôi mộ hốt cốt của cụ H2, cụ M ra khỏi thửa đất 03 và số 04 để trả lại đất cho anh T, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của anh T. Ông K1 không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm vì ông cho rằng đất này cụ H3 có di nguyện để lại dành để chôn tộc họ và cần phải có lối đi.

[3] Xét việc ông K1 kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp sửa án sơ thẩm, buộc anh T, chị H trả lại diện tích 75,8m², thuộc một phần thửa đất số 03 và diện tích 78,7m², thuộc một phần thửa số 04, cùng tờ bản đồ số 24, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh T, trả lại lối đi từ nhà mồ ra Quốc lộ 54 diện tích là 57,1m², thuộc một phần thửa đất số 04 tờ bản đồ số 24. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc kháng cáo của ông K1 yêu cầu anh T trả lại diện tích 78,7m², thửa đất số 04, tờ bản đồ số 24, phần đất này có nguồn gốc là của cụ H3 để lại và cụ có làm tờ di nguyện là phần đất chôn họ tộc không được bán. Nhưng khi còn sống cụ H3 đã tặng cho bà C, năm 2018 bà C chuyển nhượng cho anh T. Nay ông K1 là con cụ H3 muốn thực hiện theo di nguyện của cụ H3 nên yêu cầu nhận lại phần đất này và trả giá trị đất như giá mà Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã định là có cơ sở, vì đất này hiện đã chôn cất người thân của ông K1 như cha, mẹ, anh của ông K1... và những ngôi mộ này có sẵn trên đất, việc di dời sẽ ảnh hưởng đến dòng họ, anh, em và không phù hợp tập quán, đạo đức tâm linh. Mặt khác, khi còn sống cụ H3 cũng có di nguyện giao khu mộ cho ông K1 quản lý, thực tế ông K1 là người trực tiếp quản lý, chăm sóc khu mộ.

Đối với phần đất diện tích 75,8m², thuộc một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 24, ông K1 yêu cầu anh T trả lại là không có căn cứ. Bởi lẽ, phần đất này của ông B đã chuyển nhượng cho bà C, đất thuộc quyền sở hữu của bà C nên bà C bán cho anh T là quyền của bà C, ông K1 yêu cầu trả lại là không có căn cứ. Việc ông K1 tự dời hai ngôi mộ đã hốt cốt của cụ H2, cụ M qua thửa số 03 là chưa phù hợp vì hai mộ này trước đây nằm trong thửa số 04, ông K1 tự ý bao chiếm không được sự đồng ý của anh T nên cần buộc ông K1 di dời trả lại đất cho anh T.

Đối việc ông K1 yêu cầu anh T trả lại lối đi từ nhà mồ ra Quốc lộ 54 diện tích là 57,1m², nhận thấy phần đất này là của anh T, nhưng ông K1 có phần đất diện tích 78,7m², thửa đất số 04, tờ bản đồ số 24, được giao quản lý và phần diện tích đất không tranh chấp nên cần phải có lối đi từ Quốc lộ 54 vào khu mộ. Mặt khác, ông K1 có thửa đất cạnh thửa đất được giao, nhưng qua xác minh thì phần đất này đã được Chi Cục thi hành án dân sự huyện LV kê biên bán đấu giá người trúng đấu giá là bà Liên Thị L. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L trình bày là chỉ đứng ra mua đấu giá dùm ông K1, sau khi trúng đấu giá bà L làm thủ tục chuyển sang cho Nguyễn Phan Công T3. Vì vậy, ông K1 không có đường đi từ nhà mồ ra

Quốc lộ 54. Do đó, yêu cầu này là phù hợp, nhưng đất của anh T nhận chuyển nhượng hợp pháp nên buộc ông K1 phải trả tiền giá trị đất cho anh T.

Việc ông K1 yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh T, nhận thấy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T là đảm bảo theo quy định của pháp luật được Ủy ban nhân dân huyện LV trả lời bằng công văn số 34/UBND-NC ngày 08/5/2019. Vì vậy, yêu cầu của ông K1 không có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn K1, sửa một phần bản án sơ thẩm. Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án sơ thẩm xét xử chưa hợp lý, yêu cầu kháng cáo của ông K1 là có một phần cơ sở để chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, nên buộc ông K1 nộp để hoàn trả cho anh T. Nhưng kháng cáo của ông K1 được chấp nhận một phần nên mỗi bên phải chịu ½ tiền chi phí xem xét, thẩm định, định giá.

[6] Về án phí:

Do chấp nhận kháng cáo của ông K1 nên án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:

- Anh T, chị H phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị 52 cây xoài và phần giá trị diện tích đất giao cho ông K1 là 2.992.000 đồng.

Ông K1, chị H1 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị 75,8m² đất giao cho anh T và giá trị phần phần đất giao cho ông K1 là 1.058.000 đồng. Ông K1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn K1.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2019/DS-ST ngày 01/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H đối với ông Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1.

- Buộc ông Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 phải giao cho anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H diện tích đất 75,8m², trong phạm vi các mốc M1, M2, M10, M11 trở về mốc M1, tại thửa số 03, tờ bản đồ số 24 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Mai Văn Chánh T vào ngày 08/02/2018, đất tại ấp An Lợi B, xã Định Yên, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Buộc ông Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 phải di dời toàn bộ T sản, cây trồng ra khỏi diện tích đất nói trên để giao đất cho anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 phải trả giá trị 135,8m² đất lối đi và đất khu mộ cho anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H số tiền là 13.580.000 đồng.

- Anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H được sử dụng 52 cây xoài.

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã do anh Mai Văn Chánh T.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 đối với anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H.

- Buộc anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H phải giao cho anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 diện tích đất 135,8m², trong phạm vi các mốc M8, M9, M10 M2, M3, M4, M13, M12, M5, M6, M7 trở về mốc M8, tại thửa số 04 tờ bản đồ số 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Mai Văn Chánh T vào ngày 08/02/2018, đất tại ấp An Lợi B, xã Định Yên, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp thu hồi quyền sử dụng đất diện tích 135,8m², tại thửa tại thửa số 04 tờ bản đồ số 24 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh Mai Văn Chánh T vào ngày 08/02/2018, đất tại ấp An Lợi B, xã Định Yên, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp, để cấp lại quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/9/2018 và ngày 18/01/2019; sơ đồ đo đạc ngày 26/4/2019 của Chi nhánh Văn K1 đất đai huyện LV).

Anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H và ông Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng K1 quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H trả giá trị 52 cây xoài cho ông Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 số tiền 46.272.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

- Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 yêu cầu anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H trả lại diện tích 98,4m² đất,

thuộc một phần thửa đất số 03 và một phần thửa số 04, cùng tờ bản đồ số 24, do anh Mai Văn Chánh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

- Anh Mai Văn Chánh T, chị Cao Thị Tuyết H phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.992.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 390.000 đồng theo lai số 0001780 ngày 9/8/2018 (ông Cao Văn K nộp thay), anh T, chị H phải nộp tiếp 2.602.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

- Ông Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.058.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.675.000 đồng theo lai thu số 0003163 ngày 15/10/2018, anh Nguyễn Văn K1, chị Phan Thị Ngọc H1 được nhận lại 1.617.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn K1 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006127 ngày 13/8/2019 (Nguyễn Văn T1 nộp thay) tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện LV.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

Tổng cộng là 4.193.000 đồng. Anh T và ông K1 mỗi người phải chịu 2.096.500 đồng. Anh T đã nộp tạm ứng 4.193.000 đồng và đã chi xong. Do vậy, ông K1 phải nộp 2.096.500 đồng để hoàn trả cho anh T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Phòng GDKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Mỹ

